

GỐM VIỆT NAM TRONG QUẦN THỂ DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ: XUẤT XỨ, LOẠI HÌNH VÀ CHỨC NĂNG (Vietnam Pottery in the relic of Hue ancient capital: derivation, type and function)^(*)

Huế là kinh đô của nước Việt Nam thời Nguyễn (1802 - 1945). Vì thế, các vua triều Nguyễn đã cho quy hoạch và xây dựng trên vùng đất này một quần thể công trình kiến trúc, gồm thành quách, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu, chùa chiền... để đáp ứng các việc phòng thủ, trị vì và các nhu cầu sinh tử của vương triều, hoàng gia và bộ máy cai trị của triều Nguyễn. Quần thể công trình kiến trúc ấy được kiến tạo chủ yếu vào nửa đầu thế kỷ XIX, dưới hai triều vua: Gia Long (1802-1820) và Minh Mạng (1820-1841) và được các triều vua kế vị liên tục trùng tu và tôn tạo cho đến ngày triều Nguyễn cáo chung.

Sau khi triều Nguyễn chấm dứt trị vì bởi cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, quần thể công trình kiến trúc do triều Nguyễn dày công kiến lập vẫn tồn tại trên đất Huế, mặc dù bị hư hại rất nhiều do các biến cố của lịch sử, do tác động của thời gian và khí hậu. Ngày nay, quần thể công trình kiến trúc ấy được gọi là *Quần thể di tích cố đô Huế* (QTDTCĐ Huế) và được UNESCO công nhận là *Di sản văn hóa thế giới* vào tháng 12/1993.

Bài viết này thể hiện sự quan tâm của chúng tôi trên các phương diện: xuất xứ, loại hình và chức năng của các sản phẩm gốm sứ Việt Nam “góp mặt” trong QTDTCĐ Huế. Sự hiện diện của đồ gốm Việt Nam trong quần thể di tích này diễn ra theo nhiều phương thức: sản phẩm trung nạp từ các địa phương trong nước; sản phẩm do các lò gốm ở các vùng phụ cận kinh đô Huế trực tiếp sản xuất để phục vụ cho nhu cầu xây dựng và trang trí các công trình kiến trúc ở kinh đô Huế. Ngoài ra, còn có các đồ gốm được triều đình mua về

^(*) **TS. Trần Đức Anh Sơn, Phó viện trưởng, Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế-Xã hội Đà Nẵng** (Vice-Director, Danang Institute for Socio-Economic Development).

để phục vụ cho nhu cầu sử dụng hàng ngày của vua, hoàng gia và bộ máy quan lại trong triều; để thờ tự, cúng tế trong các tôn miếu; để bày biện, bài trí ở các cung điện, đình viên trong hoàng cung hoặc nơi lăng tẩm.

1. Gốm xây dựng và gốm trang trí

Đây là loại hình đồ gốm Việt Nam chiếm tỉ lệ lớn nhất trong QTĐTCĐ Huế, chủ yếu là các loại gạch ngói và gốm tráng men được sản xuất trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng và trang trí các công trình kiến trúc do triều Nguyễn chủ trương.

Do nhu cầu tái thiết đất nước sau chiến tranh, đặc biệt, do việc xây dựng kinh đô Huế khiến nhu cầu về gạch ngói xây dựng và các loại gốm sứ trang trí tăng cao. Năm 1805, khi khởi công xây dựng Kinh thành Huế, vua Gia Long ra đạo dụ yêu cầu các địa phương trong nước cống nộp các loại vật liệu xây dựng về Kinh đô Huế để phục vụ cho việc xây đắp thành lũy, cung điện... Theo sách *Đại Nam thực lục* mỗi địa phương đảm trách một loại vật liệu khác nhau: Nghệ An nộp gỗ lim; Gia Định nộp gỗ ván và gạch xây dựng, Thanh Hóa cung cấp đá lát, Quảng Nam và các tỉnh Bắc Hà nộp gạch ngói; Quảng Ngãi lo việc cung cấp mật bọ để giã với vôi sống làm vữa xây dựng...¹

Riêng về gạch ngói, triều đình bắt buộc các địa phương có truyền thống sản xuất gạch ngói phải nộp thuế bằng sản phẩm theo chế độ biệt nạp. Theo sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, mỗi thợ làm gạch ngói ở Gia Định mỗi năm nộp thuế 1.000 viên gạch hoặc 2.000 viên ngói âm dương; dân ở xã Bát Tràng (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội) mỗi người mỗi năm phải nộp 60 viên gạch vồ và 270 viên gạch vuông². Riêng các loại gạch lát nền và gạch trang trí có tráng men; các loại ngói âm dương, câu đầu, trích thủy có tráng men, do trong nước chưa thể sản xuất được nên phải mua từ Trung Quốc.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (bản dịch của Viện Sử học), Tập 2, Nxb Sử học, Hà Nội, 1963, tr. 276.

² Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (bản dịch của Viện Sử học), Phần bộ Hộ, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 397.

Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân, lượng gạch ngói nhập về Kinh đô Huế không đáp ứng nhu cầu, làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng các cung điện, thành quách ở Huế. Vì thế, một mặt triều đình ra sức bắt các địa phương trong cả nước thu nộp gạch ngói về Huế; mặt khác, triều đình xúc tiến thành lập (và tái lập) các lò gạch ngói ở Kinh đô Huế và vùng phụ cận để đáp ứng nhu cầu vật liệu cho việc xây dựng kinh đô. Chủ trương này dẫn đến việc hình thành các trung tâm sản xuất gạch ngói, gốm sứ xây dựng và gốm sứ trang trí ở ngoại ô Kinh thành Huế. Đáng chú ý là hai địa điểm sau:

- Thứ nhất là hệ thống các lò sản xuất gạch ngói ở khu vực Ngõa Tượng - Vân Cù - Nam Thanh, cách Kinh Thành Huế khoảng 3km về phía đông bắc (nay thuộc xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế). Dưới thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVI -XVIII), vùng đất này là nơi tọa lạc của *Nê ngõa tượng cục*, chuyên sản xuất gạch ngói phục vụ nhu cầu xây dựng thành trì, cung điện trong phủ chúa³. Khi vua Gia Long ra đạo dụ khuyến khích việc mở thêm các lò xường sản xuất gạch ngói để phục vụ cho công cuộc xây dựng Kinh thành, Hoàng thành và các đàn miếu ở Kinh đô Huế, thì các lò gạch ngói ở khu vực Ngõa Tượng - Vân Cù - Nam Thanh nhanh chóng được khôi phục và mở rộng quy mô sản xuất, hình

³ Thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1691 - 1725) cai trị Đàng Trong, chúa đã cho mở ở Thuận Hóa nhiều công xưởng thủ công, gọi là *tượng cục*, chiêu tập thợ thủ công đủ mọi nghề, mọi miền về đây để sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp phục vụ những nhu cầu thiết yếu của triều đình chúa Nguyễn. Trong số các tượng cục ấy có *Nê ngõa tượng cục*, chuyên sản xuất gạch ngói. Tượng cục này tọa lạc cạnh làng Vân Cù, nơi có nguồn đất sét tốt và dồi dào, lại gần thương cảng Thanh Hà, nơi buôn bán sầm uất nhất xứ Thuận Hóa đương thời, rất tiện lợi cho việc lưu thông. Thợ làm việc trong *Nê ngõa tượng cục* được trưng tập từ nhiều vùng miền thuộc Đàng Trong, chủ yếu từ Định Tường, Bình Định, Quảng Nam... vốn là những nơi truyền thống về nghề gốm sứ. Về sau, các cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn và Nguyễn - Tây Sơn đã khiến cho hoạt động của các tượng cục bị ngưng trệ. Phần lớn lính thợ rời bỏ tượng cục để trở về cố hương. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận lính thợ tiếp tục ở lại Thuận Hóa. Họ lập gia đình với người địa phương (hoặc với các di dân đến từ những miền đất khác), tạo nên các cộng đồng cư dân, sinh sống bằng các nghề thủ công truyền thống của quê hương bản quán. Chẳng hạn như nhóm cư dân làm nghề đúc đồng ở thôn Trường Đồng (nay thuộc Phường Đúc, thành phố Huế); hay nhóm cư dân làm nghề sản xuất gạch ngói ở khu vực Ngõa Tượng - Vân Cù - Nam Thanh.

thành nên một trung tâm sản xuất gạch ngói, với khoảng trên dưới 50 lò⁴ chuyên cung cấp các loại gạch vồ, gạch thẻ, ngói liệt, ngói âm dương⁵... cho các công trường xây dựng của triều đình.

- Thứ hai là lò Long Thọ, chuyên sản xuất gạch ngói tráng men và các đồ gốm dùng để trang trí trên các công trình kiến trúc và trong nội thất các cung điện, lăng tẩm. Long Thọ là tên một ngọn đồi nằm cách Kinh thành Huế khoảng 4 km về phía tây nam, thuộc địa phận làng Nguyệt Biều (nay là xã Thủy Biều, thành phố Huế). Ngọn đồi ấy nằm sát bờ nam sông Hương, trước có tên là Thọ Khương. Triều đình cho lập ở đây một cái kho gọi là *Thọ Khương thượng khố*. Thời các chúa Nguyễn, trên đồi có nhà, từng rước tử cung (thi hài) của các vị chúa Nguyễn để tạm ở đây, chờ giờ tốt mới nhập vào sơn lăng. Đầu niên hiệu Gia Long, đồi được đổi tên thành Thọ Xương, đến năm Minh Mạng thứ 5 (1824), lại đổi tên là Long Thọ Cương, quen gọi tắt là Long Thọ⁶. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Vào tháng 11 năm Gia Long thứ 9 (1810) vua Gia Long ra đạo dụ thành lập ở Long Thọ một xưởng sản xuất gạch ngói và đồ gốm tráng men. Đạo dụ này cho phép một người Hoa tên là Hà Đạt, là bang trưởng Quảng Đông, thuê ba người thợ làm gạch ngói giỏi ở Quảng Đông (Trung Quốc) đến Long Thọ giúp triều đình sản xuất các loại gạch ngói tráng men nhiều màu sắc để phục vụ cho các công trình xây dựng cung điện, đàn miếu của triều đình. Dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của các người thợ Trung Quốc, các thợ gốm Việt Nam trong công xưởng Long Thọ đã nhanh chóng tiếp thu kỹ thuật làm gốm tráng men và đảm nhận từ việc xây lò, khai thác nguyên liệu, pha chế men... đến tạo hình và nung chín sản phẩm. Những người thợ Trung Quốc hoàn thành công việc, họ trở về nước với nhiều ân thưởng của triều đình.⁷

⁴ Nguyễn Hữu Thông, *Huế-Nghề và làng nghề thủ công truyền thống*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994, tr. 144.

⁵ Phan Thanh Hải, *Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2003, tr. 237.

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (Phạm Trọng Điềm dịch), Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1992, tr. 85

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục* (bản dịch của Viện Sử học), Tập 4, Nxb Sử học, Hà Nội, 1963, tr. 97

Việc sản xuất gạch ngói và đồ gốm tráng men ở lò Long Thọ được duy trì liên tục từ năm 1810 đến năm 1885, chuyên sản xuất các loại gạch ngói tráng men; các loại gạch thông phong tráng men dùng để trang trí trên các cổng cửa, bình phong, trụ biểu, nữ tường... trong Hoàng Thành và lăng tẩm các vua; phù điêu và tượng các linh thú trang trí trên các cung điện, miếu vũ... như long, lân, quy, phụng, voi, sư tử...⁸

Tuy nhiên, sau sự kiện *Kinh đô thất thủ* (tháng 7-1885), vì chính sự rối ren và vì thiếu hụt ngân sách, hoạt động sản xuất của lò Long Thọ bị ngưng trệ trong hơn 20 năm. Mãi đến năm 1909, do nhu cầu trùng tu phòng khách và phòng ăn trong Hoàng Thành Huế, Thượng thư bộ Công đã yêu cầu ông M. Bogaert, chủ Nhà máy vôi Long Thọ lúc bấy giờ, tìm cách khôi phục hoạt động sản xuất của lò Long Thọ để cung cấp gạch ngói và gốm tráng men phục vụ trùng tu các công trình trên. Với các máy móc tiến bộ hơn do mua từ Pháp về, cùng những cải tiến về lò nung và nhờ vào đội ngũ công nhân được đào tạo khá bài bản, M. Bogaert đã góp phần phục hồi và đưa nghề gốm tráng men ở lò Long Thọ đạt tới đỉnh cao về chất lượng và năng suất. Ngoài các loại gạch ngói tráng các màu

⁸ Năm 1917, M. Rigaux, giám đốc Xí nghiệp Vôi thủy Long Thọ, đã tiến hành một cuộc khảo sát toàn bộ và khai quật một phần khu phế tích lò Long Thọ. Kết quả của cuộc khai quật này đã được M. Rigaux công bố trong bài viết *Le Long Thọ, ses porteries anciennes et modernes* (Long Thọ, đồ gốm xưa và nay) in trên tập san của Hội Đô thành Hiếu cổ (*Bulletin des Amis du Vieux Hué - BAVH*) vào năm 1917. Theo bài viết này, M. Rigaux đã phát hiện được dấu tích của 8 lò nung gạch ngói và 13 lò gốm liên hoàn chuyên sản xuất gốm tráng men phục vụ cho việc trang trí trong các công trình kiến trúc thời Nguyễn, cùng với nhiều mảnh vỡ của đồ gốm. Những phát hiện này cho thấy hầu hết gạch ngói tráng men và các đồ gốm tráng men khác dùng trong xây dựng và trang trí trong các công trình kiến trúc ở kinh đô Huế, đặc biệt là từ thời Minh Mạng (1820 - 1841) trở đi, đều là sản phẩm của lò Long Thọ. Tháng 4-1993, Nguyễn Hữu Thông cùng một số thành viên trong bộ môn Dân tộc - Khảo cổ học của Khoa Lịch sử (Trường ĐH Tổng hợp Huế) đã phối hợp với Bảo tàng thành phố Huế tiến hành điều tra và đào thám sát một số địa điểm ở phế tích Long Thọ. Kết quả khai quật thám sát cho thấy ở độ sâu 10cm đã xuất hiện nhiều hiện vật gạch ngói và gốm tráng men đúng như M. Rigaux đã mô tả trong bài viết in trên BAVH năm 1917. Ngoài ra còn có một số mảnh vỡ của các tượng thú, kể cả phần xương đất và phần đã được tráng men và nung thành gốm [Nguyễn Hữu Thông, sách đã dẫn, 146].

men xanh lục (lục lưu ly) và men vàng (hoàng lưu ly) như trước đây, đến thời kỳ này, lò Long Thọ đã sản xuất được nhiều loại gạch ngói tráng men có màu sắc khác lạ như màu tím, màu đỏ thẫm, màu ngọc... Đặc biệt, lò Long Thọ đã chế tác những phù điêu, tượng thú, tượng người... bằng gốm tráng men nhiều màu để trang trí trên các đầu đao, cổ diêm, bờ nóc, bờ mái của điện Ngưng Hy (lăng Đồng Khánh) và trên bức bình phong phía sau điện Cần Chánh trong Tử Cấm Thành... Như vậy, lò gạch ngói Long Thọ đã có một quá trình phát triển lâu dài, tuy không liên tục, nhưng sản phẩm gạch ngói và gốm tráng men của lò này đã chiếm một tỷ lệ đáng kể trong dòng đồ gốm Việt Nam góp mặt trong QTDTCĐ Huế, góp phần quan trọng vào việc hình thành diện mạo kiến trúc cung điện ở Huế và cả vùng phụ cận trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XIX đến những năm đầu thế kỷ XX.

Gốm xây dựng trong QTDTCĐ Huế có các loại hình và chức năng như sau:

1.1. Gạch: Gạch được sử dụng trong QTDTCĐ Huế gồm hai loại: *gạch mộc* (không tráng men) và *gạch tráng men*, đảm nhiệm hai chức năng: vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí:

1.1.1. Gạch mộc: Gạch mộc là vật liệu xây dựng do các địa phương trong nước trung nạp về Huế và gạch do các lò ở khu vực Ngõa Tượng - Vân Cù - Nam Thanh sản xuất. Có hơn 10 loại gạch mộc với tên gọi, kích thước và kiểu dáng khác nhau:

- *Gạch vuông lát nền:* Gạch hình vuông, kích thước 38 x 38 x 5cm hoặc 40 x 40 x 5cm, dùng để lát nền các cung điện được xây dựng vào giai đoạn đầu của triều Nguyễn. Gạch này có nhiệt độ nung không cao, màu gạch đỏ tươi.

- *Gạch Bát Tràng:* Gạch hình vuông, kích thước 30x30x5cm, được nung già lửa, rắn như sành, dùng để lát sân, lát các lối đi trong Hoàng thành, Tử Cấm thành, trong các lăng tẩm, miếu vũ... Mặc dù được gọi là gạch Bát Tràng nhưng không phải tất cả gạch này đều được sản xuất tại làng Bát Tràng (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội) mà được sản xuất ở nhiều địa phương khác nhau.

- *Gạch vồ*: Gạch hình chữ nhật, có nhiều kích cỡ khác nhau, loại lớn nhất có kích thước 38x16x7cm; loại nhỏ nhất có kích thước 21x9x6cm.⁹ Gạch vồ loại lớn dùng để xây tường thành, tường các cung điện và nền móng các công trình. Gạch vồ loại nhỏ thường được gọi là *gạch chỉ* hay *gạch thẻ*, thường dùng để xây lan can, mũ tường, nữ tường...

1.1.2. Gạch tráng men: Gạch tráng men sử dụng trong QTDTCĐ Huế rất phong phú, chức năng sử dụng cũng khác nhau; gồm các loại sau:

- *Gạch Bát Tràng tráng men*: Gạch hình vuông, có nhiều kích cỡ, nhưng nhiều nhất vẫn là loại gạch có kích thước 30 x 30 x 5cm. Đây là loại gạch có tráng lớp men *lưu ly* ở một mặt, vì thế, gạch này còn được gọi là *gạch lưu ly*. Men lưu ly là loại men phủ gốc thủy tinh kết hợp với các oxyd kim loại để tạo nên các màu *thanh lưu ly*, *hoàng lưu ly*, *lục lưu ly*. Gạch Bát Tràng tráng men lưu ly dùng trong QTDTCĐ Huế chỉ có hai màu: lục (thường được gọi là *gạch thanh lưu ly*)¹⁰ và vàng (thường được gọi là *gạch hoàng lưu ly*). Loại gạch

⁹ Phan Thanh Hải, *Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2003, tr. 239.

¹⁰ Thực ra, danh xưng *thanh lưu ly* dùng để chỉ loại men *màu lục* trong các tư liệu của triều Nguyễn là không chính xác. Theo các tư liệu của Trung Hoa (nơi khai sinh thuật ngữ *thanh lưu ly*) và theo kết quả khảo sát thực tế của chúng tôi trong các chuyến đi nghiên cứu ở Trung Quốc vào các năm 2004 và 2006, thì *thanh lưu ly* là loại men *màu lam* (blue colour), còn men *màu lục* thì người Trung Quốc gọi là *lục lưu ly* [Trần Đức Anh Sơn, "Màu ngói xưa", *Kiến trúc Việt Nam*, Số 7/2007, tr. 12].

Trong bài khảo cứu của M. Rigaux in trên *BAVH* năm 1917 cũng cho biết những loại gạch ngói tráng men lưu ly do Hà Đạt và những người thợ gốm Quảng Đông chế tác ở lò Long Thọ vào đầu thời Gia Long có 3 màu: *lam* (*bleu / thanh lưu ly*), *vàng* (*jaune / hoàng lưu ly*) và *lục* (*vert / lục lưu ly*) [M. Rigaux, sách đã dẫn].

Chất liệu để chế ra men *màu lam* được chiết xuất từ *oxyd cobalt*, rất đắt tiền và phải nhập khẩu. Trong khi chất liệu để chiết xuất ra *màu vàng* là *oxyd sắt* và *màu xanh lục* là *oxyd đồng* [Đỗ Kỳ Huy, "Một vài thể loại gốm thế kỷ XIX tại Huế", *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Số 1/1992, tr. 35], đều là những chất liệu rẻ tiền, có sẵn ở Việt Nam. Có lẽ, vì lý do này mà sau khi nhóm thợ của Hà Đạt về nước, thì lò Long Thọ chấm dứt sản xuất gạch ngói thanh lưu ly, mà chỉ sản xuất gạch ngói *hoàng lưu ly* và *lục lưu ly*, nhưng lại gọi gạch ngói *lục lưu ly* là gạch ngói *thanh lưu ly*.

Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi vẫn sử dụng thuật ngữ *thanh lưu ly* để chỉ các loại gạch ngói tráng men *lục lưu ly* như trong các tư liệu của triều Nguyễn.

này được dùng để lát nền các cung điện quan trọng như: điện Thái Hòa, điện Cần Chánh, lầu Ngũ Phụng trên Ngọ Môn (Hoàng thành); điện Sùng Ân (lăng Minh Mạng); điện Biểu Đức (lăng Thiệu Trị); điện Hòa Khiêm (lăng Tự Đức)... và thường được lát xen kẽ hai màu lục và vàng trên cùng một nền nhà. Đây là điều khác biệt so với việc sử dụng ngói thanh lưu ly và hoàng lưu ly. Bởi lẽ, theo quy định của triều Nguyễn, tất cả các ngôi điện chính; những công trình tọa lạc trên đường thần đạo của Hoàng thành, Kinh thành, các lăng tẩm; những công trình nằm ở các nơi khác nhưng dành cho nhà vua sử dụng; hay những công trình là nơi thờ cúng các vua triều Nguyễn, thì mái phải được lợp bằng ngói hoàng lưu ly. Còn các công trình tọa lạc hai bên đường thần đạo; các công trình dành cho hoàng gia, quan lại, các công trình bổ trợ thì chỉ được lợp ngói thanh lưu ly hay ngói mộc.

- *Gạch trang trí tráng men*: Gạch trang trí tráng men trong QTDTCĐ Huế rất phong phú về kích thước và dáng kiểu. Có loại gạch đúc liền khối, tạo dáng hình gậy như ý, một mặt dẹt để mộc, mặt kia tráng men và khắc chìm (hoặc khắc nổi) các họa tiết, hoa văn, thường dùng làm song chắn trong các nữ tường. Có loại gạch đúc bằng khuôn, hoa văn được thể hiện bằng phương pháp trở thủng, nên được gọi là *gạch thông phong* (gạch thông gió) hay *gạch hoa đúc rỗng*. Gạch này dùng để trang trí ở mặt ngoài phần móng các công trình kiến trúc; để ốp lát trên cổ diềm hay hai bên trụ cổng tam quan; trên hệ thống nữ tường; trên cổ diềm, bờ nóc và bờ mái của các cung điện. Chúng tôi đã thống kê được 42 loại gạch thông phong tráng men thanh lưu ly và hoàng lưu ly có trong các công trình kiến trúc thuộc QTDTCĐ Huế, với nhiều kiểu thức hoa văn: chữ Thọ, chữ Hỷ, chữ Vạn, tứ tượng, thiên địa, hoa thị, ô trám, quy giáp, hoa chanh...

1.2. Ngói: Ngói lợp trong các công trình kiến trúc thuộc QTDTCĐ Huế gồm hai loại: *ngói mộc* và *ngói tráng men*.

1.2.1. Ngói mộc: Là loại ngói không tráng men, thường dùng để lợp lót ở phía dưới các công trình kiến trúc quan trọng trước khi lợp ngói tráng men phủ lên bên trên. Cũng có những công trình hoàn toàn lợp bằng ngói mộc. Đó là các công trình đóng vai trò thứ yếu

trong QTDTCD Huế hoặc là các công trình được tu sửa vào cuối thời Nguyễn, khi triều đình gặp khó khăn về tài chính. Có hai loại ngói mộc:

- *Ngói liệt*: Ngói hình chữ nhật, mặt ngói phẳng, kích thước 20x15x1cm, dùng để lợp lót trong các công trình kiến trúc.

- *Ngói âm dương*: Ngói hình chữ nhật nhưng mặt ngói uốn cong, kích thước 22 x 20 x 1cm. Ngói này dùng để lợp các công trình thứ yếu. Khi lợp người ta xếp ngói thành hàng theo hai chiều ngược nhau: một hàng có mặt cong hướng về phía nền nhà (ngói âm) sẽ liên kết với một hàng có mặt cong hướng lên phía trên (ngói dương). Vì thế mới gọi là *ngói âm dương*.

1.2.2. Ngói tráng men: Ngói tráng men chủ yếu dùng hai màu: lục và vàng như trên gạch tráng men. Ngói tráng men được dùng để lợp lót dưới cùng và lớp trên cùng của bộ mái ở các cung điện quan trọng. Ở giữa hai lớp ngói tráng men này luôn có các lớp lót bằng ngói mộc. Như đã đề cập trên đây, các ngôi điện chính hoặc các công trình dành cho nhà vua thì được lợp ngói hoàng lưu ly; còn các công trình phụ, công trình dành cho quan lại và hoàng gia thì lợp ngói thanh lưu ly. Tuy nhiên, từ triều vua Thành Thái (1889 - 1907) trở đi, do kinh phí eo hẹp, nên khi tu bổ một số công trình, dù là chính điện như điện Long An (thờ vua Thiệu Trị), Thế Miếu (thờ các vị vua nhà Nguyễn), thậm chí cả điện Thái Hòa, triều đình buộc phải dùng ngói mộc, thay cho ngói tráng men. Ngói tráng men trong QTDTCD Huế gồm các loại sau:

- *Ngói liệt*: Ngói hình chữ nhật, kích thước 15 x 20cm, một mặt để mộc, mặt kia có tráng men, diện tích phủ men chiếm 2/3 bề mặt. Loại ngói này thường dùng để lợp các ngôi miếu thờ và một số công trình ở các lăng, bề mặt phủ men hướng lên phía trên. Ngoài ra, còn có loại ngói liệt hình vuông, mỗi bề 15 cm, có một mặt phủ kín men. Đây là loại ngói dùng để lót trực tiếp lên hệ thống rui mè của khung nhà, mặt có tráng men hướng về phía nền nhà. Bên trên lớp ngói này là các lớp ngói mộc không tráng men. Trên cùng là hai lớp ngói âm dương có tráng men.

- *Ngói âm dương*: Hình dáng và kích thước tương tự loại ngói âm dương không tráng men, nhưng có tráng men (màu lục hoặc màu vàng) ở một mặt ngói. Những viên *ngói dương* thì lớp men sẽ được tráng bên ngoài mặt cong, còn những viên *ngói âm* thì sẽ được tráng men ở bên trong mặt cong. Khi lợp, mặt có men của cả hai loại gạch đều hướng lên phía trên tạo màu lục hoặc màu vàng cho cả bộ mái.

- *Ngói ống*: Ngói hình cái ống tách đôi, một đầu có chuôi thu nhỏ để luôn vào bên trong viên ngói khác khi lợp. Mặt ngoài ngói ống có tráng men màu lục hoặc màu vàng. Ngói ống khi lợp phải kết hợp với các viên ngói âm cùng màu trong hệ thống ngói âm dương và đảm nhiệm vai trò của viên ngói dương. Mặt tráng men của các viên ngói hướng lên phía trên. Cứ hai viên ngói âm thì có một viên ngói ống phủ lên (hay cứ hai viên ngói ống thì có một viên ngói âm liên kết bên dưới).

Viên ngói ống lợp ở phía dưới cùng của bộ mái có hình dáng tương tự các viên ngói ống khác ở đầu chuôi, nhưng ở đầu kia được gắn thêm một “cái nắp” hình tròn, có chạm nổi hoa văn hình chữ Thọ theo lối triện hoặc hình bó hoa. Đây là viên ngói có chức năng trang trí diềm mái, gọi là *ngói câu đầu*. Tương tự, viên ngói âm dưới cùng cũng có gắn với một “cái yếm”, thường chạm nổi mặt hổ phù, gọi là *ngói trích thủy*. Ngói câu đầu và ngói trích thủy luôn liên kết với nhau, viên nọ xen kẽ viên kia và cùng đảm nhiệm chức năng trang trí diềm mái và định hướng giọt nước mưa.

- *Ngói vỏ quế*: Đây là dạng ngói ống tráng men nhưng có một đầu lớn và một đầu nhỏ, không có chuôi như loại ngói ống được đề cập trên đây. Loại ngói này cũng được tráng men 2/3 mặt trên, khi lợp luôn có các lớp ngói liệt bên dưới, kể đến là lớp ngói âm đóng vai trò liên kết với các viên ngói vỏ quế ở trên cùng.

1.3. Phù điêu và tượng gốm: Trên một số công trình như điện Ngung Hy (lăng Đồng Khánh), điện Long An (toà nhà trung bày của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế), trên bức bình phong phía sau điện Cần Chánh (Tử Cấm thành)... có trang trí rất nhiều phù điêu, tượng người và tượng thú bằng gốm tráng men nhiều màu. Tất cả các sản

phẩm này đều được sản xuất từ lò Long Thọ.¹¹ Các phù điêu này làm bằng gốm tráng men, màu sắc phong phú, thể hiện các mặt hồ phù, tứ linh (long, lân, quy, phụng), thường tọa lạc ở các vị trí như hai đầu hồi, bờ đao, bờ quyết, ở các ô học trang trí trên cổ diềm, trên các bức bình phong.

Công trình kiến trúc có trang trí nhiều phù điêu và tượng gốm rất độc đáo là ngôi điện Ngung Hy ở làng Đồng Khánh. Ngôi điện này do vua Đồng Khánh cho xây dựng năm 1888 dự định để thờ thân phụ của ông là Kiên Thái Vương Nguyễn Phước Hồng Cai. Tuy nhiên sau khi vua Đồng Khánh thăng hà, điện Ngung Hy lại trở thành nơi thờ của chính vua Đồng Khánh. Ngôi điện đã được vua Khải Định cho trùng tu vào năm 1917. Nếu ở các cung điện khác người ta thường đắp vữa hay dùng chất liệu pháp lam để trang trí trên các bờ nóc, bờ quyết, cổ diềm... thì ở trên điện Ngung Hy, các chất liệu đó được thay thế bằng gốm tráng men. Các đồ án trang trí được thể hiện bằng một hoặc nhiều mảnh gốm ghép lại tùy theo kích thước của đồ án. Chủ đề trang trí mà các phù điêu thể hiện rất phong phú và độc đáo như: *ngư tiêu canh mục, ngư ông đắc lợi, cầm kỳ thi họa...*; tạo hình của các tượng gốm cũng rất quen thuộc và dân dã như: con cua, quả khế, quả na... Ở một số bờ quyết và bờ nóc, người ta còn gắn cả tượng kỳ lân hay mặt hồ phù đội bầu thái cực bằng gốm tráng men nhiều màu.

2. Gốm gia dụng, gốm tế tự và gốm mỹ thuật

Ngoài các sản phẩm gốm xây dựng (chủ yếu là gạch ngói) và gốm trang trí được sử dụng trong các công trình kiến trúc, trong QTDTCD Huế còn xuất hiện những nhóm đồ gốm gia dụng, gốm tế tự và gốm mỹ thuật của Việt Nam. Các loại gốm này hiện vẫn được bày biện trong các cung điện, lăng tẩm thuộc QTDTCD Huế

¹¹ Cuộc khai quật thám sát vào tháng 4/1993 do Nguyễn Hữu Thông cùng một số thành viên trong bộ môn Dân tộc - Khảo cổ học của Khoa Lịch sử (Trường ĐH Tổng hợp Huế) tiến hành đã phát hiện một số mảnh vỡ của các loại tượng thú có xương đất, màu men và tạo hình giống như các tượng thú trang trí trên cổ diềm và đầu đao của điện Ngung Hy (làng Đồng Khánh). Điều này cho thấy các phù điêu và tượng gốm trang trí trên điện Ngung Hy chính là sản phẩm của lò Long Thọ.

hoặc được trưng bày và bảo quản trong Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế. Chúng cũng được phát hiện trong các cuộc khai quật khảo cổ học tại các di tích thuộc QTDTCD Huế. Trong các năm 1999 - 2002 Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tiến hành khai quật thám sát 7 địa điểm: Hệ thống trường lang trong Tử Cấm Thành, khu vực Duyệt Thị Đường, vườn Thiệu Phương, cung Diên Thọ, cung Trường Sanh, lầu Tứ Phương Vô Sự và hồ Tịnh Tâm. Các cuộc khai quật này đã thu được rất nhiều hiện vật, trong đó riêng hiện vật gốm Việt Nam là 16.692 tiêu bản¹². Đây là những tiêu bản gốm thuộc vào ba loại hình chính: gốm tráng men, đất nung và sành. Trong đó, đồ sành chiếm số lượng lớn nhất (12.041 tiêu bản)¹³, kế đến là đồ gốm men (2.744 tiêu bản)¹⁴ và sau cùng là đồ đất nung (1.907 tiêu bản).¹⁵ Từ năm 2002 đến nay, phạm vi khai quật khảo cổ học được mở rộng đến nhiều di tích khác như: lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị, lăng Tự Đức, cung An Định, Ngự Hà, Hồ Quyên... Thêm nhiều hiện vật gốm Việt Nam tiếp tục được phát hiện từ các cuộc khai quật này. Trong đó phần lớn là đồ gốm thuộc các nhóm đồ gia dụng, tế tự và mỹ thuật

Về xuất xứ, các nhóm đồ gốm gia dụng, tế tự và mỹ thuật trong QTDTCD Huế có nguồn gốc từ các trung tâm gốm sứ của Việt Nam dưới thời Nguyễn như: Móng Cái (Quảng Ninh), Bát Tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Giang), Phước Tích (Thừa Thiên Huế), Thanh Hà (Quảng Nam), Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh), Lái Thiêu (Bình Dương), Biên Hòa (Đồng Nai)... Những đồ gốm này được nhập vào kinh đô Huế thông qua con đường trung nạp, tặng phẩm và thương mại. Niên đại của các nhóm đồ gốm này chủ yếu vào khoảng thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

¹² Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, *Khảo cổ học tại di tích cố đô Huế*, Huế, 2003, tr. 342.

¹³ Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, sách đã dẫn, tr. 346.

¹⁴ Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, sách đã dẫn, tr. 342.

¹⁵ Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, sách đã dẫn, tr. 344.

Vào thời Nguyễn, trong phạm vi Kinh đô Huế và các vùng phụ cận chỉ còn làng gốm Phước Tích còn sản xuất các đồ gốm gia dụng như chum, chậu, thạp, hũ... đặc biệt là các loại *om đất*, để nhập vào trong hoàng cung dùng nấu cơm cho vua (dân gian thường gọi là *om ngư*). Các làng gốm khác từng được mô tả trong các ghi chép của Dương Văn An và Lê Quý Đôn như Dũng Cẩm, Dũng Quyết, Thế Lại, Lại Ân... đều đình chỉ sản xuất gốm sứ. Trong khi đó, các trung tâm gốm sứ ở hai đầu đất nước như Bát Tràng, Thổ Hà, Lái Thiêu, Biên Hòa... lại hồi phục mạnh mẽ. Do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, triều đình cho mua rất nhiều đồ gốm gia dụng như bát, đĩa, ấm, chén... từ các lò gốm trong nước (kể cả mua gốm Trung Quốc do các tàu buôn của người Hoa chở đến) để nhập vào trong cung và cấp phát cho quan binh trong các nha, phủ, bộ, đường sử dụng.

Trong Hoàng thành Huế có đến năm ngôi miếu thờ các vua chúa họ Nguyễn (Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu, Thế Miếu và điện Phụng Tiên) và nhiều cơ sở thờ tự khác như Khương Ninh Các, Phước Thọ Am, điện Long Đức... Bên ngoài Hoàng thành thì có hệ thống các đàn miếu thờ các thần linh, các liệt thánh, các bậc đế vương tiền triều. Đặc biệt, hệ thống lăng tẩm các vua Nguyễn ngoài chức năng là nơi yên nghỉ của các vua, nơi đây còn là những cơ sở thờ tự rất quy mô. Ngoài ra, hàng năm, triều đình tổ chức nhiều cuộc tế lễ định kỳ, trong đó có những cuộc tế lễ quy mô như tế Nam Giao, tế Xã Tắc... Vì thế, nhu cầu về đồ gốm tế tự rất lớn. Ngoài trừ những nơi thờ tự quan trọng như các tôn miếu ở trong Hoàng thành, là những nơi mà đồ tế tự thường là đồ sứ ký kiểu từ Trung Quốc; phần lớn các cơ sở thờ tự khác đều dùng đồ gốm nội địa làm đồ tế tự. Những đồ gốm này đa phần là đồ Bát Tràng và đồ Móng Cái, có niên đại vào nửa đầu thế kỷ XIX.

Ngoài ra, do nhu cầu bài trí trong nội điện và ngoại thất các cung điện, lăng tẩm, một mặt triều đình cho ký kiểu đồ sứ cao cấp như bình, chóa, thông, chậu... từ Trung Quốc đưa về sử dụng; mặt khác triều đình cũng đặt mua những đôn, kỷ, chậu hoa làm bằng đất nung từ các lò gốm ở Móng Cái, Bát Tràng, Lái Thiêu, Sài Gòn... đưa về Huế để bài trí ở những nơi ít quan trọng hơn. Vì thế, sản

phẩm gồm gia dụng, gốm tế tự và gốm mỹ thuật hiện diện trong QTDTCE Huế chủ yếu đến từ các trung tâm gốm này. Đặc biệt, nhân dịp *Tứ tuần đại khánh* của vua Khải Định vào năm 1924, triều đình đã cho mua rất nhiều đôn, kỷ, chậu, thống... của các lò gốm ở Biên Hòa và Lái Thiêu về để bày biện, bài trí trong Hoàng thành Huế. Ngoài ra, trong số các tặng phẩm mừng *Tứ tuần đại khánh* của vua Khải Định có những món đồ gốm mỹ thuật rất đẹp, do các nghệ nhân ở Bát Tràng và ở Trường Mỹ nghệ Biên Hòa chế tác và dâng tặng. Những món đồ gốm này hiện đang được bảo quản và trưng bày tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

Dựa vào loại hình và chức năng của các nhóm đồ gốm này, chúng tôi tạm thời phân thành ba nhóm sau:

2.1. Gốm gia dụng: Gốm gia dụng trong QTDTCE Huế là những đồ dùng hàng ngày như: chum, chậu,盎, 甌, 碗, 碟, 罍, 罍, bát đĩa, đồ trà, bình vôi, bếp lò, lồng áp... Đây là những đồ dùng thiết yếu của các thái hậu, phi tần, quan lại, binh lính sinh sống và làm việc trong Hoàng thành, Tử Cấm thành, trong các lăng tẩm. Những đồ gốm này được phát hiện thông qua các cuộc khai quật khảo cổ học ở các di tích như Duyệt Thị Đường, cung Trường Sanh, cung Diên Thọ, vườn Thiệu Phương, lăng Tự Đức... Ngoài ra, trong Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế cũng lưu giữ nhiều món đồ gốm gia dụng Việt Nam rất toàn bích và hoàn hảo, vốn là hiện vật từ các cung điện, lăng tẩm... được chuyển về cất giữ trong bảo tàng này từ những thập niên 70 - 80 của thế kỷ XX.

2.2. Gốm tế tự: Đây là nhóm hiện vật dùng trong việc cúng tế và thờ tự ở các đàn miếu, lăng tẩm như: lư hương, đỉnh trầm, chân đèn, lọ hoa, quả bông, đồ dâng rượu cúng... Ngoài ra còn có các pho tượng thờ, cũng làm bằng gốm như tượng Phật, tượng Hộ Pháp, tượng Kim Cương, tượng Quan Công, tượng Thập Điện Minh Vương... vốn là tượng thờ trong Khương Ninh Các - Phước Thọ Am và trong những nơi thờ tự của các bà hoàng thái hậu, thái hoàng thái hậu ở trong cung Diên Thọ và cung Trường Sanh. Những hiện vật này hiện vẫn được bài trí, thờ tự ở vị trí nguyên thủy; một số đang được trưng bày và bảo quản ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế.

2.3. Gốm mỹ thuật: Gốm mỹ thuật là những đôn, kỷ, bình, chốe, chậu hoa, tượng voi... Những hiện vật này trước đây được dùng để bài trí ở nội thất một số cung điện trong Hoàng Thành và trong các tẩm điện ở các lăng vua. Đây là những hiện vật kích thước lớn, phần lớn là sản phẩm của các lò gốm ở Móng Cái, Bát Tràng (thường có niên đại khoảng nửa đầu thế kỷ XIX), đồ Lái Thiêu và đồ Biên Hòa (thường có niên đại khoảng nửa sau thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX). Phần lớn nhóm hiện vật này hiện đang được trưng bày và bảo quản ở Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và một số rất ít vẫn đang trưng bày trong các lăng vua (như lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức, lăng Dục Đức...).

Nhìn chung, đồ gốm Việt Nam trong QTDTCD Huế đã phản ánh diện mạo và thực trạng sản xuất và sử dụng đồ gốm ở nước ta vào thời Nguyễn. Huế không phải là một vùng đất có truyền thống về nghề gốm sứ, nhất là gốm sứ cao cấp. Đến thời Nguyễn, dù triều đình có nhiều cố gắng để khuyến khích phát triển kỹ nghệ chế tác gốm sứ, nhưng do hạn chế về nhân lực, chất liệu và kỹ thuật lò xường, nên các lò gốm ở Huế chỉ dừng lại ở mức sản xuất ra những sản phẩm gốm với tư cách là vật liệu xây dựng và trang trí cho các công trình kiến trúc mà thôi. Còn các sản phẩm gốm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, tế tự, thẩm mỹ thì triều đình vẫn phải nhập khẩu từ nơi khác về. Trong thời kỳ đầu, do tài chính eo hẹp, vua Gia Long vẫn sử dụng gốm Việt Nam cho các nhu cầu này. Nhưng từ triều Minh Mạng (1820-1841) trở về sau, các vua triều Nguyễn ưa chuộng đồ sứ Trung Quốc hơn. Vì thế gốm Việt Nam càng khó có cơ may thâm nhập vào đời sống cung đình triều Nguyễn. Từ triều Đồng Khánh (1885-1889) trở đi, gốm sứ phương Tây, đặt biệt là gốm Pháp đã xâm nhập vào triều đình Huế thông qua các con đường ngoại giao (quà tặng) và thương mại (mua bán, ký kiểu) càng khiến cho gốm Việt Nam xa dần hoàng cung Huế. Vì thế, có thể nói rằng, đại diện thành công nhất của gốm Việt Nam trong QTDTCD Huế chính là dòng đồ gốm tráng men trang trí, do lò Long Thọ sản xuất trong khoảng thời gian 1810 - 1885. Chính dòng đồ gốm này đã góp phần định hình diện mạo kiến trúc của kinh đô Huế, đồng thời tạo nên một trường phái thẩm mỹ riêng biệt và độc đáo của gốm Huế nói riêng, gốm Việt Nam nói chung vào thời Nguyễn.